

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày: 08- 9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Kinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1 Ông Trần Văn Thanh

2 Ông Hồ Thanh Trí

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TL.ST-DS, ngày 04 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 08 năm 2020 và quyết định giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Ấp N, xã Nh, huyện P, thành phố C

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng K (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1B, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu G.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Thị Sóc Kh (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1B, thị trấn M, huyện C, tỉnh H

Ông Võ Thanh T – sinh năm 1969. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Nhuyện P, thành phố C

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn K kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N ông Trần Văn A trình bày: trước đây vào ngày 05/7/2017 ông K có thỏa thuận vay của bà số tiền 600.000.000 đồng thời hạn vay là 10 ngày đến ngày 15/7/2017 sẽ trả lại đủ, thỏa thuận lãi là 3% tháng, ông K đưa trước được 6.000.000 đồng tiền lãi, sau đó đến hạn thì ông K nói kẹt tiền nên không trả lại đến nay.

Đến ngày 31/7/2017 ông K có tiếp tục hỏi vay bà với số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 15/8/2017 sẽ trả lại đủ và thỏa thuận lãi suất là 3% / tháng, ông K đưa trước là 3.000.000 đồng lãi, sau đó đến hẹn ông K không trả lại cho bà.

Ngoài ra ngày 21/9/2017 bà còn cho ông K mượn số tiền 50.000.000 đồng và hẹn 7 ngày sau sẽ trả nhưng sau đó ông K không có thiện chí trả nợ. Bà nhiều lần yêu cầu ông K trả nợ nhưng không được.

Nay bà xác định yêu cầu Khởi kiện là kiện ông Nguyễn Hoàng K yêu cầu trả lại số tiền vay tổng cộng là 850.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm

Quá trình giải quyết, hòa giải bị đơn ông Nguyễn Hoàng K trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của bà N, ông có vay của bà Nguyễn Thị N thông qua ông Võ Văn T nhiều lần với tổng số tiền 850.000.000 đồng, ông Võ Văn T kêu ông viết biên nhận cho bà N, tiền này là tiền của bà N, ông có làm biên nhận và ông có ký tên vào các biên nhận ngày 31/7/2017 với số tiền vay là 200.000.000 đồng, biên nhận ngày 05/7/2017 vay 600.000.000 đồng, biên nhận ngày 12/9/2017 với số tiền 50.000.000 đồng, đối với số tiền này thì ông đã nhận đầy đủ từ ông Võ Văn T, mục đích vay là ông dùng để làm ăn. Ông K thừa nhận các chữ viết chữ ký trên các biên nhận trên là của ông viết và ký, không có đóng dấu của công ty, còn con dấu là do ông T đóng dấu của công ty, vì lúc đó ông T là kế toán của công ty, ông T là kế toán của công ty từ ngày 22/6/2016 đến tháng 10/2018, việc ông vay là của cá nhân ông đứng ra vay để làm ăn chứ không phải của công ty, việc vay này chỉ có ông biết vợ ông bà Thị Sốc Kh không có biết việc vay mượn của ông.

Sau khi vay thì ông có trả lại toàn bộ số tiền này cho ông Võ Văn T là rể của bà N xong, ông T có nhận đầy đủ số tiền ông trả là 850.000.000 đồng, không có trả cho bà N, Tổng số tiền vốn gốc và lãi ông T nhận từ ông là 1.200.000.000 đ (*một tỷ hai trăm triệu đồng*).

Ông và bà N không có thỏa thuận việc trả cho ông T, tuy nhiên do ông T yêu cầu đưa tiền cho ông T nên ông mới đưa để cho ông T nhận và đưa lại cho bà N vì bà N là mẹ vợ của ông T, vì tất cả tiền ông nhận tiền từ tay ông T, nên ông mới đưa tiền cho ông T và kế toán đã đóng lãi với lãi suất rất cao.

Có lần vợ ông có đi trả tiền cho ông Võ Văn T số tiền 300.000.000 đồng nhưng ông T không có viết biên nhận cho vợ ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thị Sốc Kh trình bày: Bà không biết việc chồng bà vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị N, bà cũng không biết bà N là ai, sau này bà mới biết bà N là mẹ vợ của ông T. Việc chồng bà vay tiền làm ăn là việc cá nhân của ông K. Bà không rõ, bà có nhận 300.000.000 đồng từ ông K và đi trả trực tiếp cho ông T nhưng ông T không có viết biên nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng tòa án xác định việc thụ lý, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định, về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu K kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng K trả tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Hoàng K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi là 250.115.000 đồng. Tổng cộng là 1.100.115.000 đồng (một tỷ một trăm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị N xác định chỉ K kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng K trả số tiền vay cho bà N theo thỏa thuận nhưng không trả nên phát sinh tranh chấp nên có căn cứ xác định yêu cầu K kiện và quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại ấp 1B, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng K, bà Thị Sóc Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông Võ Văn T có trình bày ý kiến, không yêu cầu nhận tài liệu chứng cứ và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N xác định là chỉ Khởi kiện ông Nguyễn Hoàng K yêu cầu trả nợ, vì bà N chỉ cho ông K vay tiền chứ không Khởi kiện đối với bà Thị Sóc Kh (vợ ông K) hay Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thành Công do ông K làm giám đốc, quá trình giải quyết ông K cũng xác định cá nhân ông đứng ra vay không phải của công ty, đối với bà Kh xác định không biết việc ông K vay tiền nên chỉ xác định ông Nguyễn Hoàng K là bị đơn trong vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 5, Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu K kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Về yêu cầu trả lại số tiền vay: Theo đơn K kiện, các giấy biên nhận, lời Khi thừa nhận nợ của ông Nguyễn Hoàng K có cơ sở xác định vào các ngày 05/7/2017 ông K có thỏa thuận vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày đến ngày 15/7/2017 sẽ trả lại đủ, thỏa thuận lãi là 3% tháng, ông K đưa trước được 6.000.000 đồng tiền lãi, sau đó đến hạn thì ông K nói kẹt tiền nên không trả lại cho đến nay.

Đến ngày 31/7/2017 ông K có tiếp tục hỏi vay bà N với số tiền 200.000.000 đồng và viết biên nhận giấy tay và hạn đến ngày 15/8/2017 sẽ trả lại đủ và thỏa thuận lãi suất là 3% /tháng, ông K đưa trước là 3.000.000 đồng tiền lãi, sau đó đến hạn ông K không trả lại cho bà.

Tiếp tục đến ngày 21/9/2017 bà còn cho ông K mượn số tiền 50.000.000 đồng và hạn 7 ngày sau sẽ trả nhưng sau đó ông K không có thiện trí trả nợ.

Nay bà N xác định K kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng K phải trả lại tiền vay vốn gốc là 850.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Quá trình giải quyết, tại biên bản lấy lời Khi, biên bản hòa giải ông K thừa nhận có nhận tiền vay từ bà N và đã nhận đủ tổng số tiền 850.000.000 đồng, chữ ký chữ viết trong 03 biên nhận là do ông viết và ký tên nhưng ông đã trả vốn và lãi xong cho bà N thông qua ông Võ Văn T

Ông K cho rằng sau khi vay ông có trả tiền vốn gốc và đóng lãi theo thỏa thuận cho bà N mà người trực tiếp nhận tiền là ông Võ Văn T tổng số tiền là 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, cho việc đã đưa tiền cho ông T nhận thay bà N số tiền vốn gốc và lãi. Hơn nữa đại diện theo ủy quyền của bà N xác định không có thỏa thuận để cho ông T nhận tiền vay thay bà.

Xét thấy, ông K là người vay tiền của bà N nhưng lại không trả tiền vốn gốc và lãi trực tiếp cho bà N mà đưa cho ông T là không có cơ sở, trong khi đó ông và bà N không có thỏa thuận việc đưa tiền cho ông T nên không có cơ sở để xem xét, ông K cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ hay giấy tờ gì chứng minh cho việc ông T đã nhận tiền từ ông.

Căn cứ thừa nhận của ông Nguyễn Hoàng K về việc nhận tiền vay từ bà N tại các biên bản hòa giải, biên bản ghi lời Khi, các giấy biên nhận vay tiền ngày 05/7/2017, ngày 31/7/2017, ngày 21/9/2017 nên có cơ sở xác định ông K là người vay tiền của bà N nhưng chưa trả, Vì vậy, buộc ông K trả số tiền vay cho bà N số tiền là 850.000.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết bà N cho rằng chỉ cho ông K vay, khi vay không có mặt bà Kh vợ ông K, ông K cũng thừa nhận chỉ có mình ông đứng ra vay và nhận, bà Thị Sóc Kh cho rằng việc ông K vay mượn tiền của bà N thì bà không biết nên xác định bà Kh không phải có trách nhiệm liên đới với ông K là phù hợp.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi suất theo quy định. Xét thấy các bên thừa nhận có thỏa thuận tính lãi suất đối với số tiền vay, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với từng khoản tiền vay là phù hợp quy định nên được xem xét chấp nhận cụ thể:

- Đối với khoản vay ngày 05/7/2017 số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng; đại diện theo ủy quyền bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 15/7/2017 đến nay 15/8/2020 là 37 tháng là  $(600.000.000 \text{ đồng} \times 37 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng}) = 184.000.000.000 \text{ đồng}$ .

- Đối với khoản vay ngày 31/7/2017 số tiền là 200.000.000 đồng;

Ngày trả là 15/8/2017, yêu cầu tính lãi từ ngày 15/8/2017 đến ngày 15/8/2020 là  $200.000.000 \text{ đồng} \times 36 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng} = 59.760.000 \text{ đồng}$ .

- Đối với khoản vay ngày 21/9/2017 số tiền nợ là 50.000.000 đồng; ngày trả là 28/9/2017 đại diện theo ủy quyền của bà N yêu cầu tính lãi từ 22/7/2017 đến ngày 22/8/2020 là 37 tháng:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 37 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng} = 15.355.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng lãi là 259.115.000 đồng

Đại diện của bà N đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận vào số tiền lãi ông K phải trả theo đó  $259.115.000 \text{ đồng} - 9.000.000 \text{ đồng} = 250.115.000 \text{ đồng}$

[5] Quá trình làm việc ông Võ Văn T không thừa nhận có nhận tiền từ ông K đưa để trả lại cho bà N nên ông không có viết biên nhận hay ký giấy tờ gì cho ông K.

Qua biên bản đối chất giữa ông T, đại diện theo ủy quyền của bà N xác định bà N không có nhờ ông T đứng ra nhận tiền vay từ ông K thay cho bà và ông T cũng không có nhận tiền từ ông K để đưa lại cho bà N.

Quá trình giải quyết tại biên bản làm việc ngày 22/5/2020 Tòa án cũng đã trao đổi, giải thích các quyền và nghĩa vụ với ông Nguyễn Hoàng K, ông K cam kết cung cấp đầy đủ tất cả giấy tờ, tài liệu chứng cứ có liên quan cho Tòa án kể cả đoạn ghi âm nhưng đến nay chưa cung cấp được.

Như vậy, quá trình giải quyết ông K không nộp được bất cứ tài liệu nào chứng cứ chứng minh cho việc ông T đã nhận tiền từ ông hay ông đã trả đầy đủ cho bà N nên không có cơ sở xem xét trình bày của ông K. Vì vậy, có cơ sở buộc ông K có trách nhiệm trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị N tổng cộng số tiền gốc là 850.000.000 đồng và lãi là 250.115.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu K kiện của Nguyên đơn, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N được nhận lại tiền án tạm ứng án phí đã nộp, ông Nguyễn Hoàng K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu K kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng K trả tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Hoàng K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 850.000.000đ (*tám trăm năm mươi triệu đồng*) và lãi là 250.115.000 đồng. Tổng cộng là 1.100.115.000 đồng (*một tỷ một trăm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thì hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng K phải nộp là 45.003.450 đồng (*bốn mươi lăm triệu ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng*)

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.750.000đồng theo biên lai thu số 0002230 ngày 04/03/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Kinh**